

Số: **725** /BNV-CCHC
V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
CCHC và báo cáo CCHC hàng năm

Hà Nội, ngày **01** tháng 3 năm 2012

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 08/12/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể). Để triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, tiếp theo Công văn số 207/BNV-CCHC ngày 11/01/2012 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, báo cáo cải cách hành chính hàng năm (có các Đề cương Kế hoạch, Báo cáo và các phụ lục kèm theo) như sau:

I. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Kế hoạch cải cách hành chính năm

- Căn cứ Chương trình tổng thể, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ), tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh, thành phố) xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm với các nhiệm vụ cụ thể về: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hoá hành chính. Các nhiệm vụ này gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng cơ quan, đơn vị; kết quả đầu ra cụ thể và bố trí nguồn kinh phí cần thiết để thực hiện.

- Nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của các bộ, tỉnh, thành phố lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các bộ, tỉnh, thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách trung ương. Các bộ, tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách chi tiết cho các nhiệm vụ cải cách hành chính kèm theo gửi Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định để thẩm định và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của các bộ, tỉnh, thành phố. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, các bộ, tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm và gửi Bộ Nội vụ trước ngày 10/12 hàng năm; riêng năm 2012 các bộ, tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm và gửi Bộ Nội vụ trước ngày 31/3/2012.

2. Báo cáo cải cách hành chính

- Báo cáo cải cách hành chính năm của các bộ, tỉnh, thành phố phải bám sát tình hình triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm, nội dung báo cáo phải đầy đủ theo hướng dẫn.

- Trên cơ sở Đề cương Báo cáo cải cách hành chính năm do Bộ Nội vụ hướng dẫn và thực tế tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, các bộ, tỉnh, thành phố xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý và 6 tháng gửi Bộ Nội vụ theo quy định. Việc báo cáo đột xuất về cải cách hành chính sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thời gian gửi báo cáo cải cách hành chính về Bộ Nội vụ: báo cáo quý gửi trước ngày 15 tháng cuối cùng của quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 10/12 hàng năm.

II. CÁC CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

1. Việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP đối với các cơ quan thuộc Chính phủ được triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan thuộc Chính phủ về cơ bản có nội dung, cơ cấu giống với kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh, thành phố (khoản 1 Mục I) và những điểm khác biệt sau đây:

- Không có nội dung về cải cách thể chế.

- Nội dung về cải cách thủ tục hành chính tập trung vào rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong nội bộ hoạt động của các cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Báo cáo cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện theo khoản 2 Mục I ở trên và không có nội dung về cải cách thể chế.

4. Các cơ quan tham khảo mẫu Đề cương Kế hoạch và Báo cáo của các bộ để xây dựng cho phù hợp. Quy định về lập và gửi kế hoạch cải cách hành chính năm, báo cáo cải cách hành chính định kỳ và năm thực hiện giống các bộ.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm và báo cáo cải cách hành chính năm. Trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Bộ Nội vụ (ông Phạm Minh Hùng - Vụ Cải cách hành chính, ĐT: 04.62820404-8051, DĐ: 0986.333.966, email: phamminhhung@moha.gov.vn) để kịp thời giải quyết.

Để thuận tiện trong công tác chỉ đạo, phối hợp triển khai công tác cải cách hành chính, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp thông tin về cơ quan, đơn vị đầu mối triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của mình (tên cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng, địa chỉ, số điện thoại liên lạc, email...) và gửi văn bản về Bộ Nội vụ (qua Vụ Cải cách hành chính) trước ngày 31/3/2012./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Tiến Dĩnh;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



*** Nguyễn Tiến Dĩnh**

www.LuatVietnam.vn



ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Kèm theo Văn bản số 725/BNV-CCHC ngày 01 tháng 3 năm 2012
của Bộ Nội vụ)

Báo cáo cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi chung là bộ) yêu cầu xây dựng thống nhất với các phần chính là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.
- Đánh giá chung.
- Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ trong năm tới.
- Kiến nghị, đề xuất.

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành năm của bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.
- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại bộ.
- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm.
- Kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm.
- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 sửa đổi

1.2. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

1.3. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1.4. Hoàn thiện thể chế về sở hữu

1.5. Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xã hội hoá

1.6. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

1.7. Xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân

Các nội dung từ 1.1 đến 1.7 nêu trên, các bộ thực hiện và báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, cần phải nêu cụ thể trong báo cáo về các vấn đề sau:

- Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ:

+ Báo cáo cụ thể tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của bộ đã được phê duyệt, nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

+ Việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL). Trong đó, thống kê số lượng VBQPPL được rà soát, hệ thống hóa; việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Công tác kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ:

+ Nêu cụ thể tình hình xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

+ Việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, nêu cụ thể số cơ quan trong kế hoạch đã được kiểm tra trên thực tế.

+ Việc xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra.

1.8. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực

a) *Thực hiện chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm) đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ:*

- Tình hình xây dựng và phê duyệt chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm) đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

- Việc tổ chức thực hiện chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm, hàng năm) đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; trong đó, nêu rõ mức độ triển khai, tiến độ, chất lượng.

b) *Việc tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành*

Tình hình triển khai thực hiện trên các nội dung cụ thể như: tổ chức các hội nghị triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) *Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành*

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

- Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số cơ quan được thanh tra, kiểm tra trên thực tế; việc xử lý các vấn đề phát hiện sau thanh tra, kiểm tra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước

- Việc cắt giảm, nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

- Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm như: đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; giáo dục; lao động; bảo hiểm; khoa học và công nghệ và một số lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước

Các nội dung 2.1, 2.2 nêu trên, các bộ thực hiện và báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Về kiểm soát thủ tục hành chính

a) *Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính*

b) *Về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính*

- Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm

soát thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành.

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính

- Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính của bộ.

- Việc công khai thủ tục hành chính trên website của bộ.

- Các hình thức công khai khác.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của bộ và các đơn vị thuộc bộ

Nêu rõ tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của bộ và các đơn vị thuộc bộ (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập). Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của bộ.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của bộ với các bộ, ngành khác.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc bộ.

- Tình hình quản lý biên chế của bộ và các đơn vị thuộc bộ.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của bộ.

3.2. Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương

- Về mô hình tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Về mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn.

Nội dung 3.2 các bộ thực hiện và báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Về phân cấp quản lý

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ;

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành;
- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương;
- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

3.4. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.
- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

3.5. Đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

3.6. Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

Nội dung 3.5 và 3.6 tùy theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của từng bộ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của bộ

4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức

4.3. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

4.4. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công

Nội dung từ 4.1 đến 4.4 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4.5. Việc thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của bộ

a) Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức

Nêu rõ tình hình xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã xây dựng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu công chức được phê duyệt và mức độ thực hiện cơ cấu công chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức

- Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức tại khối cơ quan bộ.

- Kết quả thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính (Cục, Tổng cục và tương đương; tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng).

c) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

- Việc ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của bộ; trong đó nêu rõ kết quả thực hiện theo kế hoạch, mức độ hoàn thành kế hoạch.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức của bộ.

d) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức:

- Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh (trong đó nêu rõ bao nhiêu cơ quan, đơn vị trực thuộc trên tổng số thực hiện).

- Tình hình thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống.

- Về chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính.

đ) Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức

5. Cải cách tài chính công

5.1. Hoàn thiện chính sách và hệ thống thuế, các chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội

5.2. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; quản lý việc vay và trả nợ nước ngoài, nợ Chính phủ, nợ quốc gia, nợ công

5.3. Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

5.4. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước

5.5. Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao

Nội dung từ 5.1 đến 5.5 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của mình.

5.6. Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước (theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130. Trong đó, thống kê số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện cơ chế này; số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công trong cơ quan hành chính bộ, ngành; mức tăng thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức bình quân hàng tháng theo cấp bậc, chức vụ.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43. Trong đó, thống kê số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành triển khai thực hiện cơ chế này; số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công trong cơ quan hành chính bộ, ngành; số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

c) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 115. Trong đó, thống kê số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ, ngành được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động; số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ, ngành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; số tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, ngành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên mạng Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2020

6.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân

6.3. Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính

Nội dung từ 6.1 đến 6.3 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

6.4. Về thực hiện hiện đại hoá hành chính tại bộ

a) Về ứng dụng công nghệ thông tin của bộ

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ.

- Tình hình thực hiện và mức độ hoàn thành kế hoạch.
- Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan hành chính thuộc bộ.
- Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc trong bộ.
- Việc thiết lập kênh thông tin tiếp nhận, xử lý các thông tin phản hồi của cá nhân, tổ chức về lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.
- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của bộ

Báo cáo cụ thể tình hình triển khai và ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO tại cơ quan bộ, ngành. Trong đó, thống kê số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành (Cục, Tổng cục và tương đương) được cấp chứng chỉ ISO trên tổng số cơ quan; số cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm
2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM TỚI

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của bộ trong năm tới.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ và các bộ, ngành khác để công tác CCHC trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO CCHC NĂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Kèm theo Văn bản số 725 /BNV-CCHC ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ Nội vụ)

Phụ lục 1 KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

STT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/ số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1.	Kế hoạch cải cách hành chính năm				
2.	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm				
3.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC của bộ				
4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của bộ				
5.	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ				
6.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của bộ				
7.	Kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ				
8.	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL				
9.	Kế hoạch kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ				
10.	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ				

Phụ lục 2

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

STT	Tiêu chí	Tổng số	Ghi chú
1.	Số cơ quan hành chính thuộc Bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)		
2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ		
3.	Số tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ		
4.	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt		
5.	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động		
6.	Số cơ quan hành chính thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
7.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc Bộ có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
8.	Số cơ quan hành chính thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục) thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
9.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc Bộ thực hiện đúng cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
10.	Số cơ quan hành chính (Cục, Tổng cục và tương đương) thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức		
11.	Số cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ theo NĐ 130		
12.	Số cơ quan ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công		
13.	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức		
14.	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo NĐ43		

15.	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ		
16.	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập		
17.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ, ngành được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115		
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ, ngành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ		
19.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ, ngành ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập		
20.	Số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản		
21.	Số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc		
22.	Số cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành (Cục, Tổng cục và tương đương) được cấp chứng chỉ ISO		
23.	Số cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động		
24.	Số cơ quan được thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành		

Phụ lục 3
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Tổng số	Ghi chú
1.	Số TTHC trong bộ thủ tục hành chính của bộ		
2.	Số TTHC do Bộ ban hành		
3.	Số TTHC do bộ ban hành được công khai trên website của bộ		
4.	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được tiếp nhận		
5.	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được xử lý		
6.	Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 1, 2		
7.	Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3		
8.	Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4		

Phụ lục 4

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã thực hiện/Đã xử lý	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC				
2.	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát TTHC				
3.	Số văn bản của Chính phủ quy định về tổ chức bộ máy phải thực hiện trong năm				
4.	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành				
5.	Số vấn đề về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra				
6.	Số văn bản QPPL phải thực hiện trong kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của bộ, ngành đã được phê duyệt				
7.	Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ được rà soát, hệ thống hoá				
8.	Số vấn đề phát hiện qua rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL				
9.	Số VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ được kiểm tra				
10.	Số vấn đề phát hiện sau kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ				
11.	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi QLNN của bộ				

ĐỀ CƯƠNG

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Kèm theo Văn bản số 725 /BNV-CCHC ngày 04 tháng 3 năm 2012
của Bộ Nội vụ)

I. MỤC TIÊU

- Trên cơ sở mục tiêu Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và thực tế triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ) để xác định mục tiêu cải cách hành chính của bộ trong năm một cách phù hợp, khả thi.

- Lựa chọn các mục tiêu trọng tâm cải cách hành chính của bộ để ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai thực hiện.

- Các mục tiêu phải cụ thể, rõ ràng, có khả năng theo dõi, đánh giá được.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trên cơ sở phạm vi chức năng quản lý nhà nước của từng bộ, các nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm của bộ phải bao gồm đầy đủ các nhiệm vụ trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, cụ thể là:

1. Cải cách thể chế

- Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung.

- Về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: tập trung vào việc tuân thủ quy trình, đồng thời từng bước đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật do bộ ban hành hoặc chủ trì xây dựng; tăng cường dân chủ, quyền giám sát của nhân dân trong xây dựng thể chế, chính sách.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Cắt giảm, nâng cao chất lượng thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của bộ.

- Cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính và trong nội bộ các cơ quan, đơn vị thuộc bộ.

- Kiểm soát thủ tục hành chính.
- Công khai thủ tục hành chính.
- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc giám sát thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ.
- Đánh giá mô hình tổ chức, chất lượng hoạt động của bộ, của chính quyền địa phương (thực hiện theo chức năng quản lý nhà nước của bộ và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).
- Hoàn thiện cơ chế phân cấp và thực hiện phân cấp quản lý theo quy định của Chính phủ.
- Đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tùy thuộc đặc điểm của từng bộ).
- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm.
- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức.
- Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức (thực hiện theo chức năng quản lý nhà nước của bộ).
- Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức.
- Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.
- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

- Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

- Việc xây dựng, hoàn thiện các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội.

- Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

- Thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị khoa học công nghệ công lập.

- Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính.

- Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của bộ.

6. Hiện đại hóa hành chính

- Thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của bộ.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của các đơn vị hành chính; giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc và giữa các cơ quan đơn vị trực thuộc bộ với tổ chức và cá nhân.

- Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO - 9001: 2008.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để đảm bảo các nhiệm vụ cải cách hành chính được triển khai có hiệu quả, các bộ cần xác định rõ những trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính bằng các hoạt động cụ thể như: xây dựng kế hoạch CCHC, kiểm tra, tuyên truyền, giao ban chuyên đề về cải cách hành chính v.v..

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
I. Cải cách thể chế	1.	1..... 2..... 3.....	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trong bộ	Từ tháng/năm tới tháng.../năm		
	2.....						
II. Cải cách thủ tục hành chính	1.	1..... 2.....					
	2.....						
III. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	1.	1..... 2.....					
	2.....						
IV. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	1.	1..... 2.....					
	2.....						
V. Cải cách tài chính công	1.	1..... 2.....					
	2.....						
VI. Hiện đại hóa hành chính	1.	1..... 2.....					
	2.....						
VII. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	1.	1..... 2.....					
	2.....						
Tổng kinh phí: (bằng chữ)							

* Ghi chú: các bộ được giao thực hiện đề án, dự án trong Chương trình tổng thể bổ sung nhiệm vụ triển khai đề án, dự án hàng năm vào bảng trên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Xác định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm của bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; cơ chế báo cáo.

- Phân định rõ ràng nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính đảm bảo kế hoạch của Lãnh đạo bộ; của đơn vị được giao phụ trách công tác cải cách hành chính của bộ.

- Quy định cụ thể kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được lấy từ ngân sách chung của bộ theo dự trù kinh phí hàng năm và việc triển khai thực hiện các dự án, đề án; trong đó có đề xuất lấy kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương và các nguồn hợp pháp khác để đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính.

- Xác định rõ nhiệm vụ của bộ và các đơn vị trực thuộc trong việc tổng kết, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm./.

www.LuatVietnam.vn